

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 06-6-2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG ĐỊNH, TỈNH LẠNG SƠN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Văn Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nông Ngọc Ánh;

Ông Nông Thị Thùy.

Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Mai Hương- Thư ký Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Ông Hoàng Trọng Hình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2023/TLST-HS ngày 18 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2023 và Thông báo thay đổi thời gian xét xử số: 137/TB-TA ngày 23/5/2023 của Toà án nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đối với các bị cáo:

1. Lâm Văn Q; tên gọi khác: Không, sinh ngày 07/6/1980 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Ngọc C và bà Trần Thị D; vợ là Đinh Thị Y; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Tại Bản án số 29/2012/HSST ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định xử phạt 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng (đã được xóa án tích), bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2023 cho đến nay, có mặt.

2. Nông Văn C; tên gọi khác: Không, sinh ngày 27/11/1984 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn P, xã Q, huyện T,

tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn H và bà Nông Thị T; vợ là Đinh Thị Y, sinh năm 1985; Con: Có 01 người, sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 30/01/2023 cho đến nay, có mặt.

3. Lâm Văn Đ; tên gọi khác: Không, sinh ngày 07/3/1991 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lâm Văn X (đã chết) và bà: Ngọc Thị L; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

4. Nông Thị T; tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/3/1971 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T (đã chết) và bà: Hà Thị K (đã chết); Chồng: Lục Văn Đ, sinh năm 1971 (đã chết); Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1994; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

5. Nông Thị N; tên gọi khác: Không, sinh ngày 12/8/1973 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nông Văn T (đã chết) và bà: Hà Thị K (đã chết); Chồng là Lê Văn N, sinh năm 1973; Con: Có 03 người, con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1998; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

6. Nông Thị N1; tên gọi khác: Không, sinh ngày 01/01/1964 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 7/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn M; và bà: Nông Thị M; Chồng: Trần Văn T (đã chết); Con: Có 02 người, con lớn sinh năm

1990, con nhỏ sinh năm 1999; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

7. Lã Thị H; tên gọi khác: Không, sinh ngày 11/01/1983 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Ngọc M (đã chết); con bà: Lã Thị S (đã chết); Chồng Nông Văn H, sinh năm 1984; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

8. Âu Thị M; tên gọi khác: Không, sinh ngày 06/8/1964 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 6/10; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Âu Văn C, sinh năm 1940 (đã chết); và bà: Hà Thị C; Chồng Lục Văn Đ, sinh năm 1964; Con: Có 03 người con, con lớn sinh năm 1986, con bé sinh năm 1989; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 26/01/2023 cho đến nay, có mặt.

9. Chu Thị Đ1; tên gọi khác: Không, sinh ngày 30/11/1972 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn L, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Chu Văn L, sinh năm 1932 (đã chết); và bà: Lâm Thị P, sinh năm 1934 (đã chết); Chồng Lý Văn Kim, sinh năm 1971; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Chu Thị Đ1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 30/01/2023 đến nay, có mặt.

10. Hoàng Thị T1; tên gọi khác: Không, sinh ngày 10/02/1984 tại huyện T, tỉnh L; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn C, xã Q, huyện T, tỉnh L; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Hoàng Văn Q, sinh năm 1948; Con bà: Đinh Thị N, sinh năm 1958; Chồng Nông Văn V, sinh năm 1987; Con: Có 02 người, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không có; Nhân thân: Chưa bị kết án, bị cáo chưa bị xử lý hành

chính, chưa bị xử lý kỷ luật. Bị cáo Hoàng Thị T1 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 28/02/2023 đến nay, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 45 phút ngày 26/01/2023, Tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn phối hợp với Công an huyện Tràng Định, Công an xã Q, Đội phòng chống ma túy Bộ đội Biên phòng tỉnh Lạng Sơn, Đoàn Biên phòng Pò Mã đang làm nhiệm vụ tại khu vực chợ L thuộc thôn L, xã Q, huyện Tràng Định phát hiện khoảng 20 người đang đánh bạc dưới hình thức “Xóc đĩa”. Tổ công tác tiến hành bắt giữ thì bắt được 06 đối tượng gồm: Nông Thị T; Nông Thị N; Lâm Văn Đ; Nông Thị N1; Âu Thị M; Lã Thị H; cùng trú tại: thôn L, xã Q, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn), các đối tượng còn lại chạy thoát.

Tang vật thu giữ: Trên chiếu bạc số tiền **5.570.000** đồng, 01 đĩa sứ, 01 bát sứ, 04 quân vị, 02 chiếu cói, 09 ghế gỗ. Thu trên người Âu Thị M số tiền 1.200.000 đồng; Lã Thị H số tiền 200.000 đồng; Nông Thị N1 số tiền 350.000 đồng; Lâm Văn Đ số tiền 2.255.000 đồng. Tổng thu trên người các đối tượng số tiền là **4.005.000** đồng.

Tại Bản kết luận giám định số 246/KL-KTHS ngày 08/02/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: Toàn bộ số tiền **9.575.000** đồng bị thu giữ đều là tiền thật.

Mở rộng điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tràng Định đã làm rõ, xác định các đối tượng gồm: Lâm Văn Q; Nông Văn C; Hoàng Thị Trang; Chu Thị Đ1 là những người trực tiếp tham gia đánh bạc.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau: Khoảng 14 giờ ngày 26/01/2023 Lâm Văn Q đang giúp việc tại đám ma ở thôn L, xã Q, huyện Tràng Định thấy có 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị, 02 chiếu cói và 09 ghế gỗ nên Quân nói “Mọi người đánh bạc đi, tôi cầm cái xóc cho mọi người đánh” thì được các đối tượng đồng ý tham gia đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa thắng thua bằng tiền. Quá trình đánh bạc Lâm Văn Q sử dụng 04 quân vị hình tròn có một mặt màu trắng và một mặt màu đỏ để trên 01 đĩa sứ và 01 bát sứ úp lên trên đĩa xóc cho mọi người đặt cược quy định một bên chẵn, một bên lẻ (bên lẻ là bên tay trái của Q, bên chẵn là bên tay phải của Q theo hướng ngồi), khi mở bát nếu 02 quân vị màu trắng, 02 quân vị màu đỏ, 04 quân vị màu trắng, 04 quân vị màu đỏ thì người đặt cược bên chẵn thắng; còn 01 quân vị màu trắng, 03 quân vị màu đỏ, 01 quân vị màu đỏ, 03 quân vị màu trắng thì người đặt cược bên lẻ thắng,

sau đó các đối tượng gồm Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Nông Thị T, Nông Thị N, Nông Thị N1, Âu Thị M, Lã Thị H, Hoàng Thị T1, Chu Thị Đ1 và một số người khác tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược trên chiếu bạc tổng khoảng 5.000.000 đồng gồm cả bên chẵn hoặc bên lẻ. Sau khi Q xóc cái và mở bát sẽ lấy tiền cược của bên thua trả cho những người thắng bằng số tiền đặt cược, số tiền dư Q được hưởng, thiếu thì phải bù. Trong quá trình đánh thì bị lực lượng chức năng bắt quả tang và thu giữ cùng toàn bộ tang vật.

Trước khi tham gia đánh bạc các bị cáo đã đem theo số tiền cụ thể:

- Lâm Văn Q đem theo số tiền 200.000 đồng, được tham gia đánh nhiều ván, Q là người cầm cái, xóc đĩa cho mọi người tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền. Đến khoảng 17 giờ 45 phút, trong lúc đang tham gia đánh bạc thì bị bắt quả tang, Q thắng được khoảng 600.000 đồng bỏ trên chiếu bạc.

- Nông Văn C đem theo số tiền 600.000 đồng để đánh bạc, thua 400.000 đồng, còn 200.000 đồng.

- Lâm Văn Đ đem theo số tiền 2.265.000 đồng để đánh bạc, lúc bị bắt quả tang, thu giữ trên người số tiền 2.245.000 đồng.

- Lã Thị H đem theo số tiền 300.000 đồng để đánh bạc, thua 100.000 đồng, thu giữ trên người 200.000 đồng.

- Nông Thị T đem theo số tiền 460.000 đồng để đánh bạc thì bị bắt quả tang thu giữ số tiền trên chiếu bạc.

- Nông Thị N đem theo số tiền 630.000 đồng để đánh bạc, sau đó bị bắt quả tang thu giữ số tiền còn lại trên chiếu bạc.

- Nông Thị N1 đem theo số tiền 200.000 đồng để đánh bạc, thì bị bắt quả tang thu giữ số tiền 350.000 đồng.

- Âu Thị M đem theo số tiền 1.300.000 đồng để đánh bạc, thì bị bắt quả tang, thu giữ trên người số tiền 1.200.000 đồng.

- Chu Thị Đ1 đem theo 100.000 đồng để đánh bạc, tham gia đánh 04 ván mỗi ván 20.000 đồng đều đặt cửa lẻ, thắng 01 ván, thua 03 ván sau đó đi về nhà. Sau khi biết sới bạc bị bắt, ngày 27/01/2023 Đoàn đã đến trụ sở Công an huyện Trảng Định đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

- Hoàng Thị T1 đem theo số tiền 120.000 đồng đánh bạc, sau khi thua hết số tiền đem theo thì đi về nhà.

Cáo trạng số: 18/CT-VKSTĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 truy tố các bị cáo: Lâm Văn Q, Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị

T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo thừa nhận hành vi như Cáo trạng đã nêu, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn thực hành quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo về tội danh như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lâm Văn Q từ 07 (bảy) đến 08 (tám) tháng tù;

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Văn C từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lâm Văn Đ từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Lã Thị H từ 06 (sáu) đến 07 (bảy) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Thị N từ 05 (năm) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Thị T từ 05 (năm) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Nông Thị N1 từ 05 (năm) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s, x khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Âu Thị M từ 05 (năm) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Chu Thị Đ1 từ 05 (năm) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản , 2 Điều 51; Điều 17; Điều 54; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt Hoàng Thị T1 từ 05 (năm) tháng đến dưới 06 (sáu) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu để tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn; 09 ghế gỗ; 02 chiếu cói; Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền: 9.575.000 đồng; Trả cho Hoàng Thị T1 01 chiếc điện thoại di động Nokia; Trả cho Nông Thị T 01 chiếc điện thoại di động ViVo.

Tại phần tranh luận không ai có ý kiến gì tranh luận. Lời nói sau cùng của các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo yên tâm cải tạo, để sớm được trở về đoàn tụ cùng gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của những Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa ngày hôm nay các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xác định: Ngày 26/01/2023, các bị cáo Lâm Văn Q, Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 đã tham gia đánh bạc bằng hình thức “Xóc đĩa” thắng thua bằng tiền thì bị lực lượng chức năng phát hiện, bắt quả tang. Xác định số tiền đánh bạc là **9.575.000** đồng. Như vậy Hội đồng xét xử xác định: Lâm Văn Q, Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, hậu quả mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được hành vi của mình nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, gây mất trật tự trị an, gây dư luận xấu trong xã hội. Tuy nhiên khi quyết định hình phạt ngoài việc xem xét tính chất, mức độ hành vi của việc phạm tội còn phải xem xét đến nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và phân tích vai trò của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn: Các bị cáo tham gia vào việc đánh bạc cụ thể từng ván khác nhau, nhưng các bị cáo đều thừa nhận sẽ dùng hết số tiền có trên người để tham gia đánh bạc, việc bị Cơ quan công an bắt quả tang là ngoài ý muốn của các bị cáo. Bị cáo Lâm Văn Q là người khởi xướng, rủ mọi

người và trực tiếp tham gia đánh bạc với số tiền được xác định là 600.000 đồng do đó bị cáo Lâm Văn Q phải chịu trách nhiệm hình sự cao nhất trong vụ án. Bị cáo Lâm Văn Đ đánh bạc với số tiền 2.265.000 đồng; Âu Thị M đánh bạc với số tiền 1.300.000 đồng; Nông Văn C đánh bạc với số tiền 600.000 đồng; Nông Thị T đánh bạc với số tiền 460.000 đồng; Nông Thị N đánh bạc với số tiền 630.000 đồng; Lã Thị H đánh bạc với số tiền 300.000 đồng; Nông Thị N1 đánh bạc với số tiền 200.000 đồng; Hoàng Thị T1 đánh bạc số tiền 120.000 đồng đánh bạc; Chu Thị Đ1 đánh bạc với số tiền 100.000 đồng. Các bị cáo Lâm Văn Đ, Nông Văn C, Nông Thị T, Lã Thị H, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi đánh bạc với mức tiền các bị cáo tham gia.

[6] Về nhân thân: Các bị cáo Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 có nhân thân tốt. Bị cáo Lâm Văn Q có 01 tiền án về tội Đánh bạc, cụ thể: Tại Bản án số 29/2012/HSST ngày 19/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Định xử phạt 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng đã được xóa án tích nên bị cáo có nhân thân xấu.

[7] Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[8] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51; các bị cáo Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo Nông Thị N và Nông Thị T có bố đẻ là ông Nông Văn T là Liệt sĩ; Âu Thị M và Nông Thị N1 được chứng nhận tham gia dân công hỏa tuyến do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo Chu Thị Đ1 đầu thú về hành vi phạm tội; Bị cáo Lâm Văn Đ có bố đẻ là thương binh trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước do vậy được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

[9] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay thể hiện các bị cáo không có tài sản riêng và thu nhập ổn định. Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với số 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn; 09 ghế gỗ; 02 chiếu cói là tang vật sử dụng vào việc đánh bạc không có giá trị sử dụng nên tịch thu để tiêu hủy. Đối với số tiền 5.570.000 đồng và số tiền thu trên người các bị cáo dùng để đánh bạc là **4.005.000** đồng thu giữ của các đối tượng đánh bạc cần phải tịch thu để tiêu hủy. Đối với 01 chiếc điện thoại di động Nokia thu giữ của Hoàng Thị T1; 01 chiếc điện thoại di động ViVo thu giữ

của Nông Thị T không liên quan đến việc phạm tội nên cần trả lại cho chủ sở hữu.

[11] Những vấn đề khác với nhận định trên của Hội đồng xét xử, không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12] Từ những phân tích nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy các bị cáo: Lâm Văn Q, Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định. Cho các bị cáo đi cải tạo tập trung để bị cáo nhận thức được hành vi của mình, đồng thời giáo dục các bị cáo trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội, đồng thời răn đe những ai có ý định phạm tội tương tự. Các bị cáo Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục bị cáo trở thành người Công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[13] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo khoản 2 Điều 135, khoản 2, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH.

[13] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Lâm Văn Q;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối Lâm Văn Đ;

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 38; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Lã Thị H.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nông Thị N.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nông Thị T.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Nông Thị N1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điểm s, i, x khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Âu Thị M.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 32; Điều 36; Điểm s, i khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Chu Thị Đ1.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; Điều 32; Điều 36; Điểm s, i khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự đối với Hoàng Thị T1

Căn cứ Điều 106; khoản 1 Điều 331; khoản 1 Điều 333; khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố Lâm Văn Q, Nông Văn C, Lâm Văn Đ, Lã Thị H, Nông Thị N, Nông Thị T, Nông Thị N1, Âu Thị M, Chu Thị Đ1, Hoàng Thị T1 về tội: Đánh bạc, theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Q 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2023;

2.2. Xử phạt bị cáo Lâm Văn Đ 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2023;

2.3. Xử phạt bị cáo Lã Thị H 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/01/2023;

2.4. Xử phạt bị cáo Nông Văn C 05 (năm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 30/01/2023.

2.5. Xử phạt các bị cáo: Nông Thị N; Nông Thị T; Nông Thị N1; Âu Thị M 04 (bốn) tháng 12 (mười hai) ngày tù giam (bằng thời gian tạm giam, trả tự do tại phiên tòa).

2.6. Xử phạt các bị cáo: Hoàng Thị T1, Chu Thị Đ1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát bị cáo thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

3. Về xử lý vật chứng:

3.1. Tịch thu để tiêu hủy: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn; 09 ghế gỗ; 02 chiếu cói.

3.2. Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền **9.575.000** đồng (chín triệu, năm trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

3.3 Trả cho Hoàng Thị T1 01 chiếc điện thoại di động Nokia; Trả cho Nông Thị T 01 chiếc điện thoại di động ViVo.

(theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự ngày 17 tháng 4 Năm 2023)

4. Về án phí: Buộc các bị cáo mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để nộp ngân sách nhà nước.

5. Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Tràng Định;
- CQ Điều tra CA huyện Tràng Định;
- CQ THAHS huyện Tràng Định;
- Chi cục THA DS huyện Tràng Định;
- Ủy ban nhân dân xã Q;
- Bị cáo;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

Đã ký

Hoàng Văn Bình